

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** Phòng chờ B1.403**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0195	NGUYỄN TRẦN HẢI	MINH	4/9/1998				
2	TA0196	NGUYỄN HẢI	NAM	4/9/1998				
3	TA0197	TRẦN VĂN	NHÂN	4/9/1998				
4	TA0198	BÙI THỊ	OANH	1/19/1998				
5	TA0199	TỔNG VĂN	PHÚC	3/13/1999				
6	TA0200	TRẦN HOÀNG	QUÂN	1/4/1999				
7	TA0201	TẶNG THỊ NHƯ	QUỲNH	9/20/1999				
8	TA0202	PHẠM TRƯỜNG	SINH	5/2/1999				
9	TA0203	NGUYỄN NHƯ	TÂM	10/6/1999				
10	TA0204	HOÀNG MINH	THẮNG	9/23/1997				
11	TA0205	VƯƠNG VĂN	THẮNG	10/25/1999				
12	TA0206	VŨ NGỌC	THẮNG	9/15/1998				
13	TA0207	NGUYỄN MINH	TIẾN	2/5/1999				
14	TA0208	HOÀNG THU	TRANG	5/10/1999				
15	TA0209	LÊ MINH	TRÍ	3/28/1998				
16	TA0210	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	1/11/1999				
17	TA0211	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	8/3/1999				
18	TA0212	NGUYỄN CÔNG	TÚ	1/10/1998				
19	TA0213	NGUYỄN VĂN	TỰ	5/16/1999				
20	TA0214	NGUYỄN ANH	TUẤN	8/9/1998				
21	TA0215	LÊ ANH	TUẤN	2/6/1998				
22	TA0216	LÊ THANH	TÙNG	6/7/1999				
23	TA0217	NGUYỄN THỊ	THÚY	25/08/1998				
24	TA0218	PHẠM THANH	TÙNG	14/01/1997				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)